TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2022/DS-PT
Ngày: 20/4/2022.
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Hiên

Các Thẩm phán: Ông Lưu Anh Tuấn và bà Đinh Thị Như Phượng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phan Minh Chiến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai:*** Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 20/4/2022, tại Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 72/2021/TLPT-DS ngày 2 tháng 11 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2021/DS -ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 2 năm 2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy M; địa chỉ: Thôn 7, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2.Bị đơn: Bà Hồ Thị T; địa chỉ: Thôn 4, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Quốc B; địa chỉ: Thôn 4, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị T và ông Phan Quốc B là ông Lê Khánh T ; địa chỉ: C19.19 chung cư M, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo giấy ủy quyền ngày 16-3-2022). Có mặt.

4.Người kháng cáo: Bị đơn là bà Hồ Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Quốc B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy M trình bày:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/11/2020, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy M trình bày:

Vào ngày 01/8/2019, bà Hồ Thị T có vay của bà số tiền 100.000.000 đồng, ngày 01/11/2019 vay 150.000.000đồng. Đây là tiền bà T nhờ bà chơi hụi giùm để bà T vay lại, bà T hẹn mỗi tháng trả 10.000.000đồng cho bà cho đến khi hết nợ nhưng bà T không trả hàng tháng cho bà mà lại hứa sẽ trả lãi 2%/tháng.

Ngày 11/8/2020 dương lịch (tức là ngày 22/6/2020 âm lịch), bà T vay bà số tiền 280.000.000đồng, sau đó vay thêm 10.000.000 đồng tiền gốc nhưng không viết giấy vay nên bà chỉ viết thêm vào giấy mượn tiền ngày 22/6/2020 âm lịch; hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Hai bên không thỏa thuận thời gian trả nhưng bà T hẹn khi nào bà cần tiền thì báo trước bà T sẽ trả tiền. Bà có báo trước để bà T đến ngày 15/10/2020 trả nợ cho bà nhưng bà T chây ỳ không trả nợ còn thách thức không chịu trả tiền.

Như vậy tổng số tiền là bà T vay của bà là 540.000.000 đồng. Từ khi vay tiền, bà T chưa trả cho bà khoản tiền gốc nào, bà T không hề trả tiền ngày cho bà như bà T trình bày. Bà thừa nhận bà T đã thanh toán đầy đủ tiền lãi vay cho bà đến hết tháng 8 năm 2020.

Khoảng tháng 8 năm 2020, bà T trốn khỏi địa phương, bà không gặp được nên mới gặp ông Phan Quốc B là chồng bà Hồ Thị T hỏi trả nợ thì ông Phan Quốc B có thống nhất cấn trừ tiền thuê Ki ốt 270.000.000đồng và tiền bán xe máy 24.000.000đồng vào tiền gốc thì bà T còn nợ bà 246.000.000 đồng. Hiện bà đang quản lý xe máy và ki ốt chợ này. Nay bà yêu cầu bà Hồ Thị T trả cho bà số tiền gốc là 246.000.000₫ và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ tháng 9 năm 2020 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại ngày ông B đưa hợp đồng cho thuê ki ốt thì ông B có bảo bà viết giấy bà Tchỉ nợ bà 270.000.000 đồng và cấn trừ nợ qua thuê Ki ốt, từ nay về sau không còn nợ tiền của bà thì bà không viết.

Bị đơn là bà Hồ Thị Ttrình bày như sau:

Thứ nhất: Bà thừa nhận giữa bà và bà Nguyễn Thị Thùy M là chỗ quen biết nên từ khoảng năm 2017 bà có nhiều lần vay tiền của bà M. Lúc đầu vay tiền không viết giấy nợ, sau khi vay bà trả tiền hàng ngày cho bà M.

Đối với số tiền 100.000.000₫ theo giấy mượn tiền ngày 01/8/2019 và 150.000.000₫ theo giấy mượn tiền ngày 01/11/2019 thì bà đã trả hàng ngày cho bàMhết, bà M nói sẽ hủy bỏ bản gốc hai giấy mượn tiền này. Khi trả không viết giấy giao nhận tiền, cũng không có người chứng kiến nên không có chứng cứ chứng minh.

Sau đó bà tiếp tục vay tiền của bà M nhiều lần, đến ngày 11/8/2020 dương lịch (tức là ngày 22/6/2020 âm lịch), hai bên chốt nợ thì bà còn nợ bà M 280.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng, bà trả tiền hàng ngày cho bà M. Sau này, bà không trả được tiền hàng ngày nên bà M tính thêm tiền lãi là 10.000.000₫ chứ không phải là bà vay thêm. Như vậy bà chỉ còn nợ bà M số tiền 290.000.000đ, trong đó nợ gốc là 280.000.000₫ và tiền lãi là 10.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 22-6-2020 âm lịch.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay bà đã thanh toán hết số nợ nêu trên cho bà Nguyễn Thị Thùy M.

Thứ hai là về cách mà bà trả nợ cho bà M như sau:

- Đợt 1 trả bằng hình thức là cấn trừ chiếc xe máy Honda Vision. Ngày 20/9/2020 bà Nguyễn Thị Thùy M có đến nhà bà để lấy chiếc xe máy Honda Vision có biển số 14852 của bà để cấn trừ vào số tiền 290.000.000đ mà bà đã vay của bàM. Khi lấy chiếc xe bà M trừ bà 24.000.000đ giá trị của xe máy Honda Vision. Và chiếc xe Honda Vision này hiện con gái bà M đang sử dụng để đi học tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đợt 2 thanh toán bằng hình thức cho thuê Ki ốt tại chợ A II. Vợ chồng bà có 1 Ki ốt tại chợ A II do chồng bà đứng tên là Phan Quốc B. Ngày 21/10/2020 bà M đồng ý với chồng bà lập một hợp đồng cho bà M thuê Ki ốt nêu trên với thời hạn 15 năm giá 18.000.000đ/năm, tổng cộng 15 năm là 270.000.000đ để cấn trừ vào số nợ mà bà nợ bà M. Khi lập hợp đồng cho thuê Ki ốt thì chồng bà là ông Phan Quốc B có yêu cầu bà M ghi rõ là ông Phan Quốc B là chồng của bà Hồ Thị T đã trả nợ cho bà M với số tiền là 270.000.000đ và kể từ ngày 21/10/2020 trở về sau bà T không còn nợ bà M khoản nợ vay nào khác nữa nhưng chưa kịp thỏa thuận thì bà M đã giật hợp đồng và bỏ đi; như vậy những giấy tờ liên quan đến các khoản vay mượn tiền đều không có giá trị.

Toàn bộ khoản vay trên là nghĩa vụ riêng của bà, không liên quan đến chồng bà. Mục đích bà vay để sử dụng nhu cầu cá nhân bà nên ông B không có trách nhiệm trả nợ. Do bà không có khả năng trả nên ông B đồng ý cần trừ hai tài sản trên để trả nợ cho bàM. Bà khẳng định số nợ 540.000.000đ của bàMbà đã trả đầy đủ, nay không còn nợ bà M nữa. Do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phan Quốc B trình bày:

Việc vay mượn tiền giữa vợ ông và bà Nguyễn Thị Thùy M ông hoàn T không biết, đây là khoản vay riêng của bà Tnên ông không chịu trách nhiệm trả nợ cho bàM.

Tuy nhiên, vào ngày 28/9/2020, bà M có gặp ông và trao đổi với ông nói bà Tcòn nợ 270.000.000đ và muốn thuê lại Ki ốt để cấn trừ nợ của bà T. Đến ngày 05/10/2020, bà M đã chiếm giữ Ki ốt treo biển cho thuê Ki ốt. Ông thấy vợ ông không có khả năng trả tiền mặt nên ngày 20/10/2020, tại nhà ông mới viết 02 Hợp đồng cho thuê mặt bằng Ki ốt. Sáng ngày 21/10/2020, ông đem hợp đồng đến HTX Nông nghiệp Kinh doanh Dịch vụ A II để cho bà M xem và thỏa thuận về số nợ, trả nợ thay. Lúc đó có mặt cả ông Trần Khánh H , ông và bà M có thỏa thuận về việc trả nợ thì bà M viết nội dung không rõ ràng chỉ viết bà T cấn trừ trả nợ cho bà M 270.000.000đ là xong, do ông không đồng ý nói bà M phải viết nội dung rõ ràng, ngoài ra không còn nợ tiền bà M nhưng bà M gạch chéo vào tờ thỏa thuận này và không chịu ký rồi giật lấy hợp đồng bỏ đi khi ông chưa kịp ký tên trong hợp đồng nên chữ ký và ghi tên Phan Quốc B tại phần Bên cho thuê A trong hợp đồng thuê mặt bằng Ki ốt chợ không phải chữ ký và chữ viết của ông.

Lúc bàMgạch chéo giấy và giật hợp đồng thì ông H đi đâu ra ngoài không chứng kiến.

Nay bà Nguyễn Thị Thùy M đã tự ý lấy và chiếm giữ Ki ốt nên ông không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2021/DS -ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

-Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 70, 87, 91, 92, 227, 228, 235, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 161, 162, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

-Áp dụng các Điều 275, 280, 385, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị ThùyM.

Buộc bà Hồ Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thủy M tổng số tiền là 274.477.151đồng (trong đó, nợ gốc là 226.480.000 đồng, tiền lãi là 47.997.151 đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy M yêu cầu bà Hồ Thị T phải trả số tiên nợ gốc là 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chịu tiền chi phí giám định, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 4-9-2021, bị đơn là bà Hồ Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Quốc B kháng cáo Toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2021/DS -ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn giữ nguyên kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm vì không cho người được ủy quyền tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; không đánh giá đúng tài liêu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của

pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71. 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của người kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng: Bà Hồ Thị T và ông Phan Quốc B ủy quyền cho ông Lê Khánh T tham gia tố tụng. Thấy rằng, ông Lê Khánh T đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm bản sao thẻ luật sư, chứng chỉ hành nghề luật sư để chứng minh ông T không phải là "*Cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Kiểm sát, Công an*" không thuộc trường hợp không được làm người đại diện quy định tại khoản 3 Điều 87 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tiền nợ gốc:

Tại giấy mượn tiền ngày 1-8-2019, ngày 1-11-2019 và giấy mượn tiền ngày 22-6-2020 đều có chữ ký của bà Hồ Thị T, bà T cũng thừa nhận chữ ký tại các giấy vay là của mình. Bà T cho rằng giấy vay ngày 1-11-2019 là việc cộng dồn tiền gốc và lãi của giấy vay ngày 1-8-2019 mà thành và giấy vay ngày 22-6-2020 là do việc chốt nợ (bao gồm tiền lãi và tiền gốc của giấy vay ngày 1-11-2019) mà thành. Xét các giấy vay mà bà M cung cấp không có nội dung nào ghi là chốt nợ của từng khoản vay mà viết thành giấy vay mới. Bà M không thừa nhận nội dung này, bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho phần trình bày của mình. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Tnợ bà M tổng cộng theo ba giấy vay nêu trên là 530.000.000 đồng là phù hợp với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp.

Bà Tcho rằng, số tiền 100.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 01/8/2019 và 150.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 01/11/2019 thì bà đã trả hàng ngày cho bà M hết nhưng bà T lại không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của minh. Bà M lại không đồng ý với phần trình bày của bà T. Tại biên bản đối chất ngày 9-3-3021 (bút lục số 52) bà T cũng thừa nhận khi trả số tiền này cho bà M bà không buộc bà M viết giấy biên nhận, không có gì chứng minh. Như vậy, lời khai của bà T cho rằng đã trả cho bà M 250.000.000 đồng là không có cơ sở.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng được viết thêm trên giấy mượn tiền ngày 22-6-2020 thì theo bà M là tiền bà T vay thêm nên bà tự ý ghi thêm số tiền này vào giấy vay, nhưng bà T không thừa nhận có vay thêm số tiền này. Bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà M là có cơ sở.

Về việc cấn trừ tiền nợ bằng chiếc xe máy Honda Vision với giá là 24.000.000 đồng đã được hai bên thừa nhận bằng giấy sang nhượng xe lập ngày 19-9-2020. Đối với việc cấn trừ giá trị hợp đồng thuê Ki ốt ở chợ là 270.000.000

đồng thì cả bà M, bà T và ông B đều thống nhất và đồng ý tiếp tục việc cấn trừ này. Thấy rằng, xe máy Honda Vision là tài sản chung của ông B, bà T và quyền thuê Ki ốt ở chợ là của chung vợ chồng nhưng ông B đồng ý cấn trừ nợ cho bà M nên bà T chỉ còn nợ bàM530.000.000 đồng – (24.000.000 đồng + 270.000.000 đồng) = 236.000.000 đồng là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên.

[3] Về tiền nợ lãi:

Tại các giấy vay do nguyên đơn cung cấp đều không thể hiện thời hạn trả tiền và lãi suất, nhưng bà M và bà T đều khẳng định việc cho vay có tính lãi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là hợp đồng vay có lãi suất và không kỳ hạn là đúng quy định của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, bà M và bà T không thống nhất được với nhau về mức lãi suất, bà M cho rằng lãi suất là 2%/ tháng, còn bà T cho rằng mức lãi suất là 4%/ tháng. Do có sự tranh chấp về lãi suất nên cần căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất chứ không căn cứ vào khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Bà M cho rằng tính đến tháng 8/2020 thì bà T đã trả xong lãi cho bà nên tiền lãi sẽ được tính từ tháng 9-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Vậy, bà T phải trả cho bà M số tiền lãi được tính như sau: 236.000.000 đồng x 0,83% x 12 tháng 23 ngày = 25.338.813 đồng.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của ông B, bà T và bà M thì các bên đương sự đều khẳng định việc vay mượn tiền giữa bà M với bà Tông B không hay biết gì, không liên quan gì đến ông B. Việc vay mượn tiền này bà T phục vụ vào công việc làm ăn riêng không nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông B liên đới trả nợ bà M là phù hợp với lời khai của các bên đương sự và tài liệu là các giấy vay do bà M cung cấp.

[5] Từ đánh giá và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là bà Hồ Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Quốc B, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2021/DS -ST ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 70, 87, 91, 92, 227, 228, 235, 266 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng các Điều 275, 280, 385, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự

Xử:

1.1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy M.

Buộc bà Hồ Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Thủy M tổng số tiền là 261.333.813đồng (hai trăm sáu mươi mốt triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn, tám trăm mười ba đồng) (trong đó, nợ gốc là 236.000.000 đồng, tiền lãi là 25.338.813 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2.Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy M yêu cầu bà Hồ Thị T phải trả số tiên nợ gốc là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

1.3.Về chi phí giám định: Buộc ông Phan Quốc B phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thùy M số tiền chi phí giám định đã nộp là 4.500.000 đồng (bốn triệu, năm trăm ngàn đồng).

1.4.Án phí dân sự sơ thẩm:

-Buộc bà Hồ Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán là 13.066.690 đồng (mười ba triệu, không trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm chín mươi đồng) sung quỹ Nhà nước.

-Bà Nguyễn Thị Thùy M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 500.000đồng (năm trăm ngàn đồng). Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy M số tiền tạm ứng án phí chênh lệch đã nộp 6.967.500đồng (sáu triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn, năm trăm đồng) theo biên lai số 0005826, ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2.Án phí dân sự phúc thẩm:

2.1. Bà Hồ Thị T không phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Hồ Thị T 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0000891 ngày 18-10-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2.1. Ông Phan Quốc B không phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phan Quốc B 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0000892 ngày 18-10-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Gia Lai;*
- *TAND thành phố P;*
- *VKSND thành phố P;*
- *Chi cục THA dân sự thành phố P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Toà DS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Đỗ Văn Hiên